

STĐTCU

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1422/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 20/11/2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)_{NXT} 10



Trần Hồng Hà



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH QUỐC GIA

Thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật)

(Kèm theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt Thỏa thuận Paris thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; nâng cao năng lực và nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

b) Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

c) Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững thông qua đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên; phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng; tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới.

a) Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên

- Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, lập và triển khai quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông, trong đó xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt. Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý hiệu quả các hoạt động khai thác nước dưới đất trong các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn; phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

- Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước đảm bảo cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt;

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do thiếu nước gây ra;

- Theo dõi, giám sát, đánh giá tài nguyên nước xuyên biên giới và tăng cường hợp tác quốc tế để bảo vệ, ngăn chặn suy giảm, suy thoái tài nguyên nước xuyên biên giới;

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán, xâm nhập mặn;

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, xâm thực biển.

b) Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai các giải pháp nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi

khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang cây trồng có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản hoặc vùng nguyên liệu chủ lực; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp, hàng hóa tập trung quy mô lớn và hiện đại.

c) Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng. Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát và đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng;

- Quản lý các hệ sinh thái; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

- Thiết lập, mở rộng và tăng cường chất lượng các khu bảo tồn thiên nhiên, tập trung các khu bảo tồn biển; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia.

d) Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái; đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các giải pháp làm mát bền vững, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị;

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; tăng cường năng

lực thích ứng khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng;

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển. Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước;

- Tăng cường năng lực, cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch cho dân cư, quan tâm khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn.

đ) Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các cộng đồng người dân tộc thiểu số. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường truyền thông và xây dựng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong ngành y tế;

- Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

e) Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, vốn và dịch vụ bảo hiểm rủi ro cho hệ thống bảo trợ xã hội, người dân, người yếu thế ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

Triển khai các giải pháp tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan; cải thiện đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu; thực hiện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do các tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của biến đổi khí hậu, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng.

a) Dự báo và cảnh báo sớm

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quốc gia về giám

sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng, phục vụ phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán và xâm nhập mặn. Thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên xã hội hóa đối với hệ thống đo mưa tự động;

- Ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, cảnh báo đa thiên tai, dự báo dựa trên tác động; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai;

- Tăng cường năng lực truyền tin thiên tai kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng chống thiên tai hiệu quả;

- Điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị; khoanh vùng các khu vực có nguy cơ chịu tác động cao của biến đổi khí hậu; tính toán khả năng và mức độ tự thích nghi, đề xuất giải pháp ứng phó;

- Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai, hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu và thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, phát huy tri thức địa phương trong phòng chống thiên tai.

b) Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai

- Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển; xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá, bao gồm cả các khu vực hải đảo;

- Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng công trình đê điều, khu dân cư tập trung và cơ sở hạ tầng quan trọng;

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ lụt, ngập úng trong đô thị. Hình thành hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp tái định cư và di dời dân trong vùng cảnh báo rủi ro; phát triển nhà ở vượt lũ, nhà ở có khả năng chống chịu cao với gió bão;

- Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão,

phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

- Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, sạt lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro;

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan và thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người dân;

- Tăng cường năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các tình huống thiên tai;

- Thực hiện các chương trình phục hồi sau thiên tai, ưu tiên đối với những khu vực chịu nhiều thiệt hại, các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Triển khai các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, hoàn thiện thể chế, chính sách và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch; thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích, nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua truyền thông, đào tạo, tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, huy động các nguồn tài chính, đầu tư và các hoạt động hợp tác quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu.

a) Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành, chiến lược, quy

hoạch, kế hoạch phát triển các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có việc lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực có liên quan; hoàn thiện các bộ tiêu chí, công cụ đánh giá rủi ro khí hậu, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu, xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại đồng lợi ích cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính;

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo hiểm rủi ro khí hậu, thí điểm triển khai bảo hiểm rủi ro biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản;

- Nâng cao tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, sự cố môi trường, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng, đô thị; nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho việc xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm vùng, miền;

- Cập nhật, hoàn thiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia phù hợp với tình hình thực tiễn.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng;

- Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm phổ biến, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức, thông tin về tổn thất và thiệt hại, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; đẩy mạnh sự tham gia của thanh niên, phụ nữ trong các hoạt động về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái, cộng đồng;

- Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và người dân làm công tác xã hội trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, đặc biệt là công tác xã hội với các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo về ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với cán bộ ở địa phương, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương;

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân yếu thế (người nghèo, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng bị thiệt hại bởi thiên tai); tập huấn hướng dẫn thích ứng, giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hướng dẫn đánh giá rủi ro khí hậu dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới.

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Củng cố, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, đáp ứng các nhu cầu về điều tra cơ bản;

- Đề xuất, xây dựng chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ về thích ứng với biến đổi khí hậu tại các doanh nghiệp và cộng đồng;

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có thể mang lại đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; nghiên cứu các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu khoa học phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, diễn biến biến đổi khí hậu ở Việt Nam làm cơ sở đề xuất và triển khai các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu;

- Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội nhằm tận dụng cơ hội mà biến đổi khí hậu mang lại và tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn;

- Xây dựng và phổ biến, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình nông nghiệp thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vốn ODA, vay ưu đãi để triển khai xây dựng các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính;

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các dòng vốn đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Chủ động tiếp cận và huy động nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các cơ chế tài chính trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu như Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tồn thất và thiệt hại;

- Thu hút sự tham gia của khối tư nhân, các tổ chức xã hội trong nghiên cứu, triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm: điều chỉnh hoạt động, chuỗi cung ứng nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu; đầu tư triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo phương thức đối tác công tư, hợp tác quốc tế; cung cấp các giải pháp thích ứng mới và mở rộng quy mô.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các điều ước quốc tế khác có liên quan mà Việt Nam là thành viên, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu;

- Định kỳ cập nhật, triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định và các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu; chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến mới và tích cực tham gia các cơ chế, sáng kiến quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước, các tổ chức đa phương, các định chế tài chính nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng quản lý và huy động nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở bình đẳng, hợp tác và cùng có lợi;

- Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp ứng phó với tác động xuyên biên giới;

- Tăng cường năng lực các cơ quan trong nước để trở thành cơ quan thực hiện được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tồn thất và thiệt hại và các quỹ khác.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến năm 2030

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược và quy hoạch;

- Xây dựng và định kỳ cập nhật báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

- Triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn;

- Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, chất lượng dự báo, cảnh báo và truyền tải thông tin về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng chống thiên tai; triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất;

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực chống chịu, chống ngập cho các thành phố và các điểm dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn; tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học;

- Tăng cường nguồn lực cho thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường hợp tác quốc tế;

- Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực

thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống tự nhiên nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai.

Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong các hoạt động kinh tế và xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

- Việc giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch dựa trên báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong danh mục các nhiệm vụ kèm theo.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý; báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua phần mềm báo cáo kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trực tuyến do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hướng dẫn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành thực hiện theo quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước, Đầu tư công và các quy định liên quan; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ 5 năm sơ kết đánh giá tình hình thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết những khó khăn, bất cập, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án

đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề xuất đề trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

- Chủ trì xây dựng các cơ chế, chính sách và triển khai các hoạt động nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư thúc đẩy huy động nguồn lực cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan trung ương cân đối kinh phí thường xuyên hằng năm từ ngân sách trung ương để triển khai nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Bố trí nguồn lực và chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch, bảo đảm tiến độ và chất lượng;

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm các hoạt động của Kế hoạch được lồng ghép, tích hợp theo quy định và bảo đảm tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch;

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý, định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng 12 để tổng hợp.

- Căn cứ nội dung Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 (cập nhật), các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện. Đối với các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện.



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (CẬP NHẬT)
(Kèm theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Mục tiêu 1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
1. Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất				
1	Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, lập và triển khai quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông, trong đó xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt.	Xây dựng Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2026: Trình phê duyệt Chiến lược.
		Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2021 - 2030: Quy hoạch được triển khai theo tiến độ.
		Xây dựng quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2025: Hoàn thành việc trình phê duyệt các quy hoạch.
		Theo dõi, giám sát, đánh giá biến đổi về tài nguyên nước xuyên biên giới và tăng cường hợp tác quốc tế để bảo vệ, ngăn chặn suy giảm, suy thoái tài nguyên nước xuyên biên giới.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2030: Xây dựng và giám sát, đánh giá tài nguyên nước xuyên biên giới.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nguồn nước.	<p>Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất phục vụ xây dựng mạng lưới các điểm nguồn cấp nước nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu cho các khu vực dễ bị tổn thương (Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long...).</p> <p>Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất cho các khu vực, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, điều hòa phân phối nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế khai thác, sử dụng nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước theo từng cấp độ khan hiếm nước.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>2025 - 2030: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá.</p> <p>2024 - 2025: Hoàn thành.</p>
3	Tăng cường các giải pháp quản lý, điều tiết, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước.	<p>Hoàn thiện hệ thống quan trắc và giám sát tài nguyên nước quốc gia.</p> <p>Rà soát, điều chỉnh 11 quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông hướng tới theo thời gian thực.</p> <p>Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>	<p>2024 - 2030: Tiếp tục triển khai, hoàn thành, tổng kết, đánh giá.</p> <p>2025: Các quy trình vận hành liên hồ chứa được ban hành.</p> <p>2024 - 2025: Tiếp tục thí điểm và triển khai. 2026 - 2030: Đúc kết, nhân rộng; tổng kết, đánh giá.</p>
4	Tăng cường khả năng trữ nước, chú trọng các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác	Điều tra, đánh giá và xây dựng các giải pháp tổng thể về trữ nước dựa vào xu thế tự nhiên của từng khu vực, ưu tiên các vùng có nguy cơ hạn hán,	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	động của xâm nhập mặn.	thiếu nước, chịu tác động của xâm nhập mặn.		và tổng kết, đánh giá.
5	Khai thác hợp lý, hiệu quả và tăng cường các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu thoái hóa đất.	Khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán, xâm nhập mặn.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
2. Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường và hiệu quả dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường.	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai mô hình tại các vùng, miền. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai; tổng kết, đánh giá.
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng, miền. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		nâng cao giá trị gia tăng).		
		Hỗ trợ ứng dụng giải pháp nông lâm kết hợp cho việc phát triển cây ăn quả, nhằm nâng cao sinh kế và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân vùng Tây Bắc.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá.
		Ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế các vùng sinh thái.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Kiểm soát được các dịch bệnh và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. 2026 - 2030: Các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản chủ lực, quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học.	Phát triển liên kết vùng trong thực hiện các hoạt động thích ứng đối với các tiểu ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Triển khai thực hiện thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện, tổng kết, đánh giá.
		Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp và các vùng nguyên liệu chủ lực phục vụ lâu dài, bền vững cho các cơ sở chế biến nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Phát triển các mô hình thích ứng, liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
3	Bố trí cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh thâm canh, xen canh.	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Cơ cấu mùa vụ cho các vùng nông nghiệp được xác định. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng các phương pháp xen canh, thâm canh các giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các vùng miền.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng, miền. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại các tiểu vùng sinh thái ở đồng bằng sông Cửu Long.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
4	Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, phù hợp với điều kiện hạn, mặn; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, miền.	<p>Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường).</p> <p>Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); canh tác tổng hợp cà phê (ICoM); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Các mô hình được xây dựng và thí điểm. 2026 - 2030: Áp dụng trên diện rộng và tổng kết, đánh giá.</p> <p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.</p> <p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.</p>

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Triển khai ứng dụng các mô hình liên kết, tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Mô hình được áp dụng cho một số cơ sở chăn nuôi. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.
		Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường hoạt động của hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai, rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường các dịch vụ thú y thủy sản, kiểm soát chặt chẽ, dự báo, cảnh báo kịp thời dịch bệnh, môi trường và thời tiết cực đoan nhằm giảm thiểu rủi ro đối với nuôi trồng thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Các dịch vụ được triển khai. 2026 - 2030: Các dịch vụ được áp dụng trong toàn bộ quá trình nuôi trồng thủy sản.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các giống cây trồng vật nuôi mới thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu.	Phân tích, chọn tạo giống lúa chất lượng, chịu mặn cao, kháng rầy nâu thích hợp cho vùng đất nhiễm mặn đồng bằng ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu; cải tạo cây đậu tương tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu bằng kỹ thuật chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9; sản xuất mía nguyên liệu tại vùng khô hạn Nam Trung bộ và Tây Nguyên.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Các giống mới được chọn tạo, thí điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô áp dụng, tổng kết, đánh giá.
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng biến đổi khí hậu trên vùng đất bị ảnh hưởng của hạn và xâm nhập mặn; phát triển hệ thống canh tác lúa - tôm bền vững, nuôi tôm dưới tán rừng (MSH) để thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình lúa hỗn hợp (MRS) thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển dịch cơ cấu mùa vụ nhằm phát triển ngành sản xuất lúa gạo hiệu quả bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Mô hình được triển khai áp dụng. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.
		Đánh giá, tuyển chọn giống tầm có khả năng chống chịu nóng ẩm góp phần phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả nghề trồng dâu nuôi tầm.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Giống tầm mới được tuyển chọn, thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển dịch vụ phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
6	Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao.	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Mô hình được triển khai áp dụng. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.
		Chuyển đổi cơ cấu tàu thuyền với công suất hợp lý, đổi mới công nghệ khai thác thủy sản đạt hiệu quả cao thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các tỉnh trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
3. Quản lý bảo vệ rừng và các hệ sinh thái				
1	Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng.	Xây dựng quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024: Trình phê duyệt Quy hoạch.
		Triển khai các dự án trồng rừng, ưu tiên rừng đầu nguồn, rừng ven biển, rừng cây gỗ lớn.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Phục hồi, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, chống khai thác bất hợp pháp, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện, phục hồi 10.000 ha. 2026 - 2030: Nhân rộng, tổng kết, đánh giá, phục hồi 50.000 ha.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.	<p>Nhân rộng mô hình phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn tại các đầm nuôi trồng thủy sản đã bị suy thoái theo hướng lâm - ngư kết hợp và dựa vào cộng đồng.</p> <p>Hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cộng đồng dựa vào rừng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	<p>Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng.</p> <p>2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.</p> <p>2024 - 2025: Mô hình được thí điểm, triển khai và đánh giá.</p> <p>2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.</p>
3	Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát và đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng.	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giám sát, đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hệ thống giám sát, đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng được hoàn thiện.
4	Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Đánh giá nguy cơ và đề xuất phương án kiểm soát sự xâm hại của các loài ngoại lai dưới tác động của biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2025 - 2026: Hoàn thành báo cáo đánh giá.
5	Tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Đánh giá hoạt động gây nuôi sinh sản bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại các cơ sở bảo tồn và đề xuất giải pháp gây nuôi sinh sản bảo tồn một số loài ưu tiên, cải thiện/phục hồi sinh cảnh sống và thí điểm tái thả quần thể lại tự nhiên.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2025: Triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
6	Thiết lập và mở rộng hoạt động của các khu bảo tồn biển, các khu bảo tồn thiên nhiên.	Tiếp tục bảo tồn và phát triển các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh vùng Nam Trung Bộ.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
7	Phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo vệ, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.	Xây dựng và phát triển các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2025 - 2026: Triển khai thực hiện. 2027 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
4. Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu trú tránh bão cho tàu thuyền tại vùng ven biển miền Trung và Đông Nam Bộ.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các tỉnh trọng điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục và hoàn thành đầu tư, tổng kết đánh giá.
		Phát triển hạ tầng ngành thông tin, truyền thông thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình du lịch, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, chú trọng các khu, điểm du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa, lịch sử trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt đề án và triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô thực hiện, tổng kết, đánh giá.
		Hướng dẫn xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo các nhà máy điện, trạm truyền tải điện, trạm biến áp, hệ thống đường dây tải điện; hệ thống ống dẫn nhiên liệu, hầm mỏ, bãi than và các cơ sở năng lượng khác ở vùng ven biển.	Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị, nông thôn, các điểm dân cư tập trung trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng.	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá.
		Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ, sử dụng các loại vật liệu mới, bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
				kết đánh giá.
3	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở ngành y tế bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe; bảo đảm khả năng tiếp cận, duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn và tăng cường khả năng ứng phó trước thiên tai.	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt, nước biển dâng, chú trọng khu vực đồng bằng sông Cửu Long.	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ có khả năng chống chịu với sạt lở đất khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Đầu tư, phát triển và hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá.
5	Ưu tiên xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển.	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho các đô thị lớn của các tỉnh, thành phố. Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn, triều cường và nước biển dâng cho các khu đô thị ven biển miền Trung.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển miền Trung	2024 - 2025: Triển khai cho các khu vực trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành cho các đô thị, tổng kết đánh giá. 2024 - 2025: Các giải pháp được triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Hoàn thiện, mở rộng quy mô, tổng kết đánh giá.
6	Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước.	Xây mới một số công trình trữ nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, ưu tiên vùng có nguy cơ hạn hán, khan hiếm nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, xây mới một số hồ chứa lớn, đa mục tiêu phục vụ cấp nước và sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá. 2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
5. Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe				
1	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho các cộng đồng người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị nhằm dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu.	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, khám chữa bệnh đủ năng lực để điều trị các bệnh nhạy cảm với biến đổi khí hậu như: sốt rét, tiêu chảy, hô hấp, tim mạch.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế, chú trọng khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng và áp dụng thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
4	Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.	Đầu tư, phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.	Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Rà soát hệ thống giám sát hiện có. 2026 - 2030: Phát triển hệ thống, mở rộng quy mô.
6. Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới				
1	Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương trong quá trình tái định canh, định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hoá cơ sở. Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Nghiên cứu, triển khai thí điểm các mô hình. 2026 - 2039: Tiếp tục nhân rộng, tổng kết, đánh giá. 2024 - 2025: Nghiên cứu, xây dựng tài liệu; đào tạo thí điểm. 2026 - 2030: Hoàn thiện nội dung, mở rộng quy mô đào tạo và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân trong thực hiện các chính sách và hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Xây dựng hướng dẫn lồng ghép bình đẳng giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong thực hiện chính sách và tham gia các chương trình, hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	2024 - 2025: Xây dựng hướng dẫn, triển khai các hoạt động. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai và tổng kết đánh giá.
		Phát triển, đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ, thanh niên tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng tài liệu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết đánh giá.

Mục tiêu 2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
1. Dự báo và cảnh báo sớm				
1	Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quốc gia về giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn; hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan.	Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên toàn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Hoàn thành dự án đầu tư hệ thống. 2026 - 2030: Vận hành, bổ sung và hoàn thiện hệ thống.
		Hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát xâm nhập mặn.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống quan trắc theo quy hoạch và tổng kết đánh giá.
		Phát triển các hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ phòng chống bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống theo quy hoạch và tổng kết đánh giá.
		Thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên trước đối với hệ thống đo mưa tự động.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục xã hội hoá đầu tư hệ thống đo mưa. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống đo mưa tự động, quan trắc khí hậu cực đoan.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2	Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ giám sát, phân tích, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai ngang tầm các nước phát triển khu vực châu Á; ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại.	Hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan; ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, dự báo dựa trên tác động.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện và đạt các mục tiêu theo chiến lược phát triển ngành.
3	Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu, cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai.	Triển khai khung dịch vụ khí hậu toàn cầu ở Việt Nam phục vụ các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành theo chiến lược phát triển ngành.
4	Tăng cường năng lực truyền tin khí hậu và thiên tai, bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời; phát triển hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia.	Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động và hệ thống quản lý tàu cá qua vệ tinh; nâng cao năng lực truyền tin, bảo đảm truyền, phát đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về khí hậu và thiên tai tới tất cả Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, người dân trên cả nước và tàu thuyền hoạt động trên biển.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Nâng cấp và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
5	Giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai.
		Phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Hoàn thành phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.
		Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu và cơ sở dữ liệu về phòng chống thiên tai, cải thiện khả năng truy cập, chia sẻ thông tin trực tuyến cho các đối tượng sử dụng.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	2024 - 2025: Hệ thống cơ sở dữ liệu được hoàn thành và đưa vào sử dụng.
		Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và khắc phục hậu quả thiên tai ở các cấp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành kế hoạch, triển khai ở các cấp. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
2. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai				
1	Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển.	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024-2025: Triển khai thí điểm các hồ chứa có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Áp dụng cho tất cả các hồ chứa, tổng kết đánh giá.
		Rà soát và đánh giá mức độ an toàn hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, công trình phòng chống thiên tai.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương	2024 - 2025: Hoàn thành việc rà soát, đánh giá.
		Xây dựng bản đồ ngập lụt và lập phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du của các hồ chứa trọng điểm trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng các bản đồ ngập lụt; các phương án phòng chống lũ, lụt được lập và phê duyệt.
		Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê sông, đê biển, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão.	Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch, gắn kết với dịch vụ hậu cần, thông tin nghề cá, bao gồm cả các khu vực hải đảo.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
3	Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp.	Củng cố, xây dựng các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển ở các khu vực trọng điểm, cấp bách; khu vực sạt lở nghiêm trọng, diễn biến phức tạp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành điều tra khảo sát, đề xuất giải pháp. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện các giải pháp, tổng kết đánh giá.
4	Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn.	Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất ở những nơi có nguy cơ cao.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Triển khai xây dựng thí điểm ở những nơi có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống, tổng kết đánh giá.
		Xây dựng kế hoạch phòng chống tác hại của hạn hán, triều cường và xâm nhập mặn.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Kế hoạch được xây dựng và phê duyệt. 2026 - 2030 Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá.
		Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lớn và lũ cực đoan các lưu vực sông trên toàn quốc.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Rà soát, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên các công trình vùng cửa sông và các vùng dễ bị tổn thương nhằm ứng phó với bão, lũ, hạn hán, nước biển dâng và xâm nhập mặn.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
3. Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu				
1	Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, khí hậu cực đoan; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.	Đầu tư bố trí, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường các biện pháp theo dõi, giám sát, cảnh báo thiên tai tại những nơi không thể di dời nhằm chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, nước dâng do bão, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở; sụt lún đất, tai biến địa chất.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm nơi sơ tán trong tình huống thiên tai khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho người dân, phục hồi sau thiên tai.	Xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ cho khu vực Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các khu vực có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn, triều cường và nước biển dâng cho các khu đô thị ven biển miền Trung.	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật phòng chống lũ quét và sạt lở đất cho các cụm dân cư khu vực miền núi.	Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
3	Tăng cường năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ - cứu nạn.	Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn các cấp, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các tình huống thiên tai.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Ưu tiên cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành tăng cường năng lực tìm kiếm cứu nạn cho các cấp, các vùng.
4	Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu, các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.	Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo Luật Khí tượng thủy văn và các báo cáo của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (5 năm/lần).	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành có liên quan	2024 - 2030: Kịch bản biến đổi khí hậu được cập nhật định kỳ.
		Định kỳ cập nhật đánh giá khí hậu quốc gia, tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2024 - 2030: Báo cáo đánh giá được cập nhật định kỳ.
		Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan	2024 - 2030: Triển khai thực hiện.
		Đánh giá rủi ro khí hậu và triển khai các giải pháp chia sẻ rủi ro khí hậu, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Nghiên cứu, thực hiện thí điểm các giải pháp. 2026 - 2030: Nhân rộng áp dụng các giải pháp và tổng kết đánh giá.

Mục tiêu 3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách				
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 bảo đảm yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và yêu cầu lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Nghiên cứu đánh giá cơ sở khoa học và thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và đề xuất hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2030: Triển khai thực hiện, hoàn thiện các quy định pháp luật ứng phó với biến đổi khí hậu.
		Rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật và văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.	Các bộ, ngành liên quan	2024 - 2025: Rà soát các luật, văn bản quy phạm pháp luật. 2026 - 2030: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các luật, văn bản quy phạm pháp luật theo chương trình, kế hoạch.
		Rà soát, xây dựng, cập nhật các chiến lược phát triển ngành, quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy định của Luật Quy hoạch và kịch bản biến đổi khí hậu, có chú trọng đến vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.	Các bộ, ngành liên quan Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Các chiến lược, quy hoạch được xây dựng và phê duyệt. 2026 - 2030: Tiếp tục xây dựng và cập nhật theo yêu cầu.
		Triển khai quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2030: Triển khai và đánh giá kết quả thực hiện.
		Xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho người dân thuộc khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, ngập lụt.	Bộ Xây dựng	2024 - 2025: Triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Lồng ghép các yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch đô thị ven biển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Bộ Xây dựng	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết, đánh giá.
2	Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu, xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu, đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép bình đẳng giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong các chương trình thích ứng biến đổi khí hậu.	Xây dựng tiêu chí đánh giá rủi ro khí hậu.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2030: Xây dựng, trình ban hành bộ chỉ số.
Xây dựng tiêu chí xác định các dự án đầu tư, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.		Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí.	
Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.		Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Nghiên cứu, rà soát. 2026 - 2030: Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.	
Xây dựng hướng dẫn về đánh giá tổn thương, phân tích hiệu quả chi phí lợi ích, sàng lọc, lựa chọn các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho lĩnh vực nông nghiệp.		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng hướng dẫn.	
Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp		Bộ Xây dựng,	2024 - 2025: Hoàn thành	

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với úng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...).	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	xây dựng hướng dẫn.
		Xây dựng bộ chỉ số và hướng dẫn lồng ghép các nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào các chương trình, dự án, kế hoạch hoạt động cụ thể của ngành nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng hướng dẫn và bộ chỉ số.
3	Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách phù hợp với mục tiêu lồng ghép và thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại đồng lợi ích với phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng cơ chế.
		Đổi mới cơ chế chính sách hỗ trợ (về đất đai, tài chính, kỹ thuật) cho các doanh nghiệp tham gia phát triển các mô hình thích ứng quy mô lớn lĩnh vực nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng, đổi mới cơ chế chính sách hỗ trợ.
		Xây dựng cơ chế tài chính và hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển lâm nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng cơ chế.
		Rà soát và bổ sung chính sách hỗ trợ về tài chính, đất đai để khuyến khích các nguồn đầu tư theo cơ chế đối tác công - tư (PPP) cho các hoạt động phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, bổ sung chính sách.
		Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách ngành	Bộ Công Thương	2024 - 2025: Hoàn thành

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		công nghiệp, năng lượng và thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.		rà soát, đánh giá cơ chế, chính sách.
		Rà soát, đánh giá các điều ước, thoả thuận quốc tế, rào cản thương mại về thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, đánh giá cơ chế, chính sách.
		Rà soát, sửa đổi, xây dựng, bổ sung các cơ chế chính sách của ngành Y tế về bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, xây dựng, bổ sung cơ chế, chính sách.
		Hoàn thiện chính sách việc làm nhằm khuyến khích tạo việc làm xanh và bền vững.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng, hoàn thiện chính sách.
		Xây dựng chính sách thúc đẩy lồng ghép, tạo việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng chính sách.
4	Xây dựng cơ chế,	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy dịch vụ tài chính, tín dụng, phát triển thị trường bảo	Bộ Tài chính	2025: Các cơ chế, chính sách được ban hành.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	chính sách nhằm thúc đẩy dịch vụ tài chính, tín dụng, phát triển thị trường bảo hiểm rủi ro khí hậu.	hiểm rủi ro khí hậu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	2025: Các cơ chế, chính sách được ban hành.
5	Hoàn thiện quy định về giám sát và đánh giá kết quả, hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, cấp ngành và cấp tỉnh.	Rà soát, cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2025 - 2030: Triển khai việc rà soát, cập nhật.
2. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng				
1	Đa dạng hóa phương thức thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Xây dựng, thực hiện Đề án tăng cường tuyên truyền, nâng cao năng lực truyền thông và đa dạng hóa các phương thức truyền thông về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Thông tin và Truyền thông Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá.
2	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông quốc gia, tổ	Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông về tổn thất và thiệt hại, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng; đẩy mạnh các phong trào của thanh thiếu niên, phụ nữ về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	thực hiện và tổng kết đánh giá.
Xây dựng, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng.		Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2030, Xây dựng, triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá.	
Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng và vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong xây dựng và thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng tài liệu, tổ chức các khóa đào tạo thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng quy mô, hình thức đào tạo và tổng kết đánh giá.	
3	Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương;	Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, truyền thông về phát triển các mô hình phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai chương trình.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng.	<p>thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu cho chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội và cộng đồng.</p> <p>Áp dụng và phổ biến, nhân rộng tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu.</p>	<p>tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Điều tra, xây dựng tài liệu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, nhân rộng và tổng kết đánh giá.</p>
3. Phát triển nguồn nhân lực				
1	Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng, thực hiện các chương trình tăng cường năng lực cho cán bộ tại các bộ, ngành và địa phương bảo đảm cập nhật và phù hợp với các quy định trong nước và các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia là thành viên.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông tích hợp nội dung giáo dục về biến	Cập nhật, lồng ghép, tích hợp các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trong triển khai chương trình giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp học, bậc học.	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, mở rộng và tổng kết

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	đổi khí hậu ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu.	Nâng cao chất lượng, phát triển năng lực của đội ngũ giáo viên, cán bộ ngành giáo về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.	tỉnh, thành phố Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	đánh giá. 2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết đánh giá.
4. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ				
1	Đề xuất, xây dựng chính sách để doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu.	Rà soát, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng cơ chế, chính sách.
2	Thúc đẩy nghiên cứu, triển khai công nghệ tiên tiến thích ứng với biến đổi khí hậu.	Tổ chức thực hiện các nghiên cứu về công nghệ tiên tiến thích ứng với biến đổi khí hậu.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện, tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
3	Nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	<p>Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội.</p>	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p>	<p>2024 - 2030: Nghiên cứu, triển khai thí điểm.</p> <p>2024 - 2025: Nghiên cứu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện, tổng kết đánh giá.</p>
4	Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng có tính đến tác động của biến đổi khí hậu	<p>Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các lĩnh vực nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn.</p>	<p>Các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố</p> <p>Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>2025 - 2030: Nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>2024 - 2030: Hoàn thành rà soát, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p>

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	hậu trong dài hạn.	Rà soát, bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, xây dựng các công trình hạ tầng về năng lượng, dịch vụ, thương mại.	Bộ Công Thương	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
		Rà soát, bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai, đặc biệt là hồ, đập, đê, kè bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
		Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình nhà ở và công trình công cộng cho các vùng thường xuyên bị thiên tai.	Bộ Xây dựng	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
		Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn phù hợp kịch bản cập nhật của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Bộ Xây dựng	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
5. Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư, hỗ trợ quốc tế cho thích ứng phó biến đổi khí hậu,	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và	2024 - 2025: Hoàn thành rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	thu hút các dòng vốn đầu tư, hỗ trợ quốc tế cho thích ứng phó biến đổi khí hậu.	phát triển các mô hình hợp tác đầu tư trong thích ứng với biến đổi khí hậu.	Môi trường	
2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn để theo dõi các nguồn tài chính, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với pháp luật Việt Nam và yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.	Xây dựng quy định, hướng dẫn thực hiện giám sát các nguồn tài chính hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2025: Xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện, tổng kết đánh giá.
3	Tăng cường triển khai các hoạt động vận động quốc tế, thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu.	Tăng cường triển khai các hoạt động vận động quốc tế, thu hút đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu.	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường	2024 - 2030: Các hoạt động được triển khai.
		Chủ động tiếp cận và phát huy sự tham gia của Việt Nam đối với Quỹ Thích ứng và Quỹ Tồn thất và thiệt hại quốc tế.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	2024 - 2030: Xây dựng, tiếp cận và triển khai các dự án.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Tăng cường năng lực các cơ quan trong nước để trở thành cơ quan thực hiện được công nhận đối với Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tồn thất và thiệt hại và các quỹ khác.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường các bộ, ngành liên quan	2024 - 2030: Các hoạt động được triển khai.
6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu				
1	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc gia tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và các điều ước, thỏa thuận quốc tế khác có liên quan mà Việt Nam là thành viên.	<p>Định kỳ cập nhật, triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định, Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>Xây dựng và định kỳ xây dựng cập nhật Báo cáo minh bạch hai năm một lần, Thông báo quốc gia và các báo cáo quốc gia khác về biến đổi khí hậu.</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan</p>	<p>2024 - 2030: Báo cáo được xây dựng định kỳ.</p> <p>2024 - 2030: Báo cáo được xây dựng định kỳ.</p>
2	Thúc đẩy hợp tác, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; dự báo, cảnh báo thiên tai	<p>Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án hợp tác với các đối tác quốc tế về thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam.</p> <p>Tổ chức và tham gia các chương trình và diễn đàn quốc tế và tăng cường hợp tác và trao đổi trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa, giảm</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và</p>	<p>2024 - 2030: Các chương trình, dự án được xây dựng và thực hiện.</p> <p>2024 - 2030: Tổ chức, tham gia các chương trình, diễn đàn theo kế hoạch.</p>

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	và giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu.	thiếu tôn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Công nghệ, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	